

# Habubank Securities

Annual Report

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



**MỤC LỤC**

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG.....	5
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2010 .....	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	6
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	9
MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐIỀNG HÌNH NĂM 2010.....	9
MỘT SỐ HẠN CHẾ NĂM 2010.....	10
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HBBS 2011 .....	12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 .....	13
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP .....	13
KIỂM TOÁN NỘI BỘ .....	14
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .....	15
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .....	17
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	18
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ .....	19
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	21
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	51
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY .....	51
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH .....	51
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	52
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN.....	53

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (“Công ty”) là một công ty con 100% thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, một ngân hàng được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000254, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng kí lần đầu vào ngày 03 tháng 11 năm 2005 với thời gian hoạt động là 50 năm. Công ty được cấp đăng kí thay đổi lần thứ hai vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và chấp nhận tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 66/UBCK-GP ngày 24 tháng 8 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 150 tỷ đồng.

Công ty có trụ sở chính tại 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

## SẢN PHẨM DỊCH VỤ

**Dịch vụ môi giới:** HBBS thực hiện chức năng môi giới mua, bán chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên TTGDCK cho khách hàng dưới các hình thức: Nhận lệnh trực tiếp từ khách hàng tại sàn giao dịch ở Hà Nội và Hồ Chí Minh; Nhận lệnh qua hệ thống Fax; điện thoại; SMS; Internet tại bất kỳ thời điểm nào và ở bất cứ nơi đâu.

**Dịch vụ lưu ký; Quản lý sổ cổ đông, Quản lý chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp:** Với kinh nghiệm và thực tiễn hoạt động của đội ngũ cán bộ, HBBS thực hiện các thủ tục lưu ký, quản lý đối với từng loại chứng khoán (bao gồm cổ phần và trái phiếu) niêm yết và chưa niêm yết. Bên cạnh đó, công tác lưu ký của HBBS được thực hiện trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy trình nội bộ và các quy trình của TTGDCK, đảm bảo chính xác và an toàn tuyệt đối về chứng khoán lưu ký, chứng khoán giao dịch cho khách hàng

**Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp:** Được đánh giá là một trong những tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính hàng đầu Việt Nam, bộ phận Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp của HBBS liên tục sáng tạo để cung cấp cho doanh nghiệp Việt Nam những giải pháp huy động vốn phù hợp nhất. Để đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp, HBBS đã không ngừng bổ sung và xây dựng một danh mục đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính. Ngoài việc tư vấn và cung cấp các giải pháp huy động vốn thông qua phát hành chứng khoán vốn (cổ phiếu), chứng khoán nợ (trái phiếu) hay các loại chứng khoán cơ cấu (trái phiếu hay nợ chuyển đổi), HBBS còn cung cấp các dịch vụ khác như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn đấu giá ra công chúng lần đầu (IPO), tư vấn niêm yết, tư vấn quản trị công ty đại chúng... Bên cạnh đó, trên cơ sở nhu cầu mở rộng và phát triển doanh nghiệp thông qua hình thức mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) ngày càng tăng, HBBS không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm đối tượng phù hợp, hỗ trợ thương thảo, mà còn có khả năng hỗ trợ huy động vốn cho bên mua.

**Dịch vụ hỗ trợ tài chính:** Với mục đích hỗ trợ khách hàng nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư, tạo khả năng quay vòng vốn nhanh, nâng cao hiệu quả đầu tư cho khách hàng, HBBS phối hợp với các Ngân hàng cung cấp đa dạng các dịch vụ hỗ trợ tài chính cho khách hàng.

**Dịch vụ hỗ trợ thông tin:** Với đội ngũ chuyên gia phân tích dày dặn kinh nghiệm cùng với mối quan hệ trực tiếp với các doanh nghiệp và các hãng thông tấn nổi tiếng quốc tế, HBBS cung cấp tới khách hàng các Bản phân tích, nhận định về thị trường, ngành, cổ phiếu, các báo cáo phân tích nhận định thị trường hàng ngày, giúp khách hàng cập nhật một cách nhanh chóng và chính xác nhất các thông tin về: diễn biến giao dịch ngày hôm trước, các thông tin thị trường, về doanh nghiệp, các thông tin kinh tế trong nước và quốc tế để có những quyết định đầu tư hiệu quả. HBBS cũng cung cấp dịch vụ phân tích thị trường, phân tích doanh nghiệp và phân tích cơ hội/dự án cụ thể theo yêu cầu riêng của khách hàng.

## **PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG**

### **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Sức mạnh tổng thể của HBBS tích hợp bởi những yếu tố: chất lượng con người, công nghệ hiện đại, tính chuyên nghiệp và sự linh hoạt trong sản phẩm - dịch vụ, tiềm lực tài chính và mối quan hệ sâu rộng.

Nhờ đó, HBBS có khả năng đáp ứng nhu cầu của Quý khách hàng bằng những sản phẩm tài chính chuyên biệt, khẳng định vị trí đi đầu trong lĩnh vực Chứng khoán - Tài chính được định nghĩa là một thương trường đầy tính hiện đại và tốc độ.

### **MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

HBBS định hướng phát triển trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư, nơi Quý khách hàng có thể tra cứu, sử dụng và được hỗ trợ trong mọi dịch vụ về Chứng khoán - Tài chính.

### **TRIẾT LÝ KINH DOANH**

Tôn trọng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, gìn giữ mối quan hệ khăng khít với các đối tác và khách hàng bằng uy tín của chính mình, ý thức trách nhiệm ở sự ủy thác và sự tin tưởng của nhà đầu tư, đặt lợi ích khách hàng trên lợi ích Công ty để hoàn thiện hơn nữa các sản phẩm - dịch vụ đáp ứng mọi nhu cầu dù là khó khăn nhất.

### **CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI**

HBBS cam kết đóng góp công sức vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói chung;

HBBS luôn quan tâm và đặt lợi ích của khách hàng lên trên quyền lợi công ty và cam kết sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, quan hệ và tài chính khi khách hàng có nhu cầu;

HBBS tôn trọng và nỗ lực thực hiện các cam kết với đối tác trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2010****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****Các hệ số cơ cấu tài sản, khả năng thanh toán và tỷ suất lợi nhuận**

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2010 là 1.256.359.007 nghìn đồng, tăng 96% so với 31/12/2009 trong đó tài sản lưu động chiếm tỷ trọng 98,3% không thay đổi nhiều so với năm 2009.

Xét về cơ cấu vốn, vốn chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2010 là 289.724.726 nghìn đồng, nợ phải trả là 966.634.281 nghìn đồng, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản là 76,9% tăng so với 31/12/2009 do thực hiện thêm nghiệp vụ kinh doanh mới.

Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán bằng tiền không có nhiều thay đổi so với năm 2009, hiện ở mức an toàn thanh khoản của Công ty.

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời có giảm so với năm 2009 do hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chức khoán gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao so với các đơn vị khác trong ngành: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 64,9%, Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 76%.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	0,3	0,8
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	98,3	96,5
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	76,9	54,0
<i>(Nợ phải trả/ tổng tài sản)</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,3	1,8
<i>(Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,3	1,8
<i>((Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	1,2	1,3
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	64,9	78,6
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
<i>(Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ			
<i>(Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)</i>			
	%	76,0	88,7

## Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Quỹ dự		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
	trữ bổ sung				
	Vốn điều lệ	Quỹ dự trữ bắt buộc			
nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng	
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	150.000.000	5.740.032	6.657.927	9.486.006	171.883.965
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	133.029.717	133.029.717
Trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận để lại năm 2009	-	6.651.486	6.651.486	(13.302.972)	-
Chuyển phải trả Ngân hàng mẹ lợi nhuận để lại năm 2008	-	-	-	(9.486.005)	(9.486.005)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	150.000.000	12.391.518	13.309.413	119.726.746	295.427.677
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	114.023.795	114.023.795
Trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận để lại năm 2010	-	5.701.190	5.701.190	(11.402.380)	-
Chuyển phải trả Ngân hàng mẹ lợi nhuận để lại năm 2009	-	-	-	(119.726.746)	(119.726.746)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	150.000.000	18.092.708	19.010.603	102.621.415	289.724.726

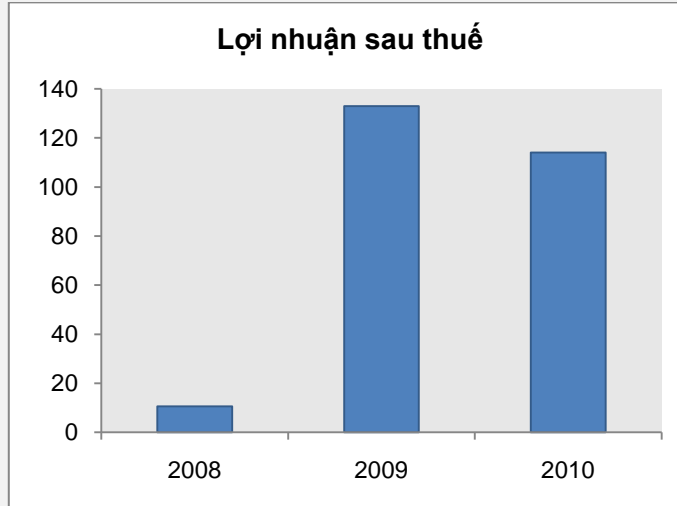
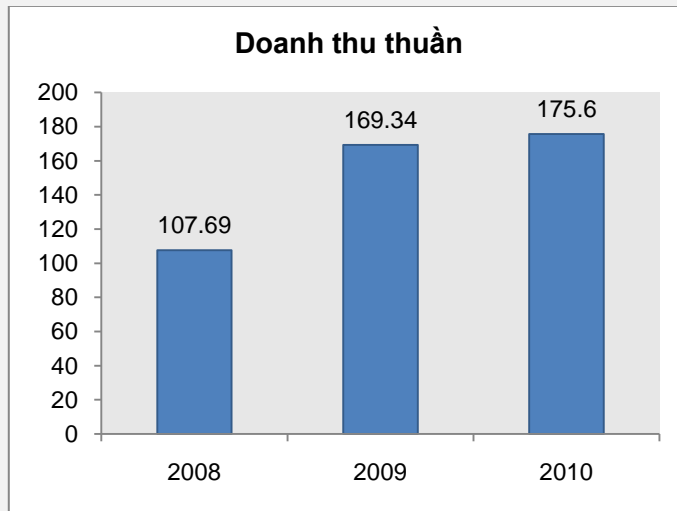
Theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, công ty chứng khoán phải sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích đủ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2010.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010, HBBS tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 175.601.104 nghìn đồng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 114.023.795 nghìn đồng. Tuy lợi nhuận thấp hơn năm trước ( Lợi nhuận 2009 là 133.029.717 nghìn đồng), nhưng trong bối cảnh thị trường chứng khoán 2010 gặp rất nhiều khó khăn thì con số lợi nhuận này là rất khả quan.



## MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐIỂN HÌNH NĂM 2010

### Dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Năm 2010, HBBS tiếp tục và phát triển một danh mục đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính. Ngoài các giải pháp huy động vốn thông qua phát hành chứng khoán vốn (cổ phiếu), chứng khoán nợ (trái phiếu) hay các loại chứng khoán cơ cấu (trái phiếu hay nợ chuyển đổi), HBBS còn cung cấp các dịch vụ khác như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn đầu giá ra công chúng lần đầu (IPO),



tư vấn niêm yết... Bên cạnh đó, trên cơ sở nhu cầu mở rộng và phát triển doanh nghiệp thông qua hình thức mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) ngày càng tăng, HBBS không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm đối tượng phù hợp, hỗ trợ thương thảo, mà còn có khả năng hỗ trợ huy động vốn cho bên mua.

Cũng trong năm 2010, HBBS đã tư vấn phát hành thành công 1.400 tỷ trái phiếu của một ngân hàng thương mại cổ phần, tham gia tư vấn niêm yết thành công cổ phiếu của ngân hàng lên HNX, tư vấn tái cấu trúc tài chính cho các công ty...

### Dịch vụ môi giới

Mặc dù năm 2010, thị trường chứng khoán có rất nhiều biến động, số lượng các nhà đầu tư mất lòng tin và rời bỏ thị trường tăng cao nhưng HBBS vẫn duy trì ổn định số lượng tài khoản các nhà đầu tư trung thành, gắn bó với công ty đồng thời số lượng tài khoản mở mới liên tục gia tăng. Doanh thu môi giới năm 2010 đạt 17.080.694 nghìn đồng, hoàn thành kế hoạch năm đề ra.

### Tái cấu trúc

2010 đánh dấu một bước cải tiến mạnh mẽ trong cơ cấu tổ chức của công ty. Ứng dụng phương pháp quản trị hiện đại quốc tế, HBBS chia bộ máy hoạt động của mình thành các khối nghiệp vụ, bao gồm khối Ngân hàng Đầu Tư, khối Giao dịch Môi giới, khối Phân Tích, khối Pháp chế, tuân thủ và Quản trị rủi ro và khối Hỗ trợ. Việc tái cấu trúc này đã giúp HBBS phát huy và tận dụng tối đa nguồn lực nhân lực, tạo sự linh hoạt, khuyến khích tính sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin

Năm 2010, HBBS triển khai phần mềm công nghệ lõi chứng khoán phiên bản mới nhất của TTL. Đây là giải pháp công nghệ hiện đại đã được triển khai thành công từ 15 năm nay tại các công ty chứng khoán lớn uy tín trên ở các thị trường tài chính lớn như Hồng Kông, Trung Quốc, Macau, Việt Nam...

Ưu điểm nổi trội của hệ thống phần mềm lõi này là tính linh hoạt cao, cho phép HBBS dễ dàng phát triển các dịch vụ khác biệt, vượt trội và bổ sung thêm các tiện ích mới cho nhà đầu tư. Nền tảng công nghệ này cũng cho phép HBBS tự động hoá hầu hết các quy trình nghiệp vụ, giảm thiểu các thủ tục giao dịch, tạo sự thuận tiện và tiết kiệm thời gian giao dịch cho khách hàng. Với đặc điểm rất thân thiện với người dùng, sử dụng phần mềm này, nhà đầu tư sẽ dễ dàng giao dịch chứng khoán trực tuyến, thực hiện ứng trước tiền bán chứng khoán, quản lý rủi ro và danh mục đầu tư, chuyển tiền tự động...tại bất kỳ nơi nào thông qua máy vi tính, các thiết bị cầm tay với tốc độ nhanh nhất.

## MỘT SỐ HẠN CHẾ NĂM 2010

### Hoạt động tự doanh

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến phức tạp, hoạt động tự doanh của công ty gặp khá nhiều khó khăn. Tuy đã có những dự báo và lường trước nhiều tình huống xấu của thị trường nhưng HBBS cũng không nằm ngoài vòng quay như các Công ty chứng khoán trên thị trường. Danh mục đầu tư của HBBS luôn được cân nhắc theo diễn biến thực tế của thị trường nhằm hạn chế tối đa những rủi ro cho hoạt động kinh doanh của công ty. Kết thúc năm tài chính 2010, hoạt động tự doanh chỉ dừng lại con số khiêm tốn là 3,866.810 nghìn đồng.

**Phát triển sản phẩm mới**

Do hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh của các Công ty chứng khoán còn chưa hoàn thiện, nhiều nghiệp vụ đang được triển khai trên thị trường quốc tế vẫn chưa được phép áp dụng tại Việt Nam.

Với tôn chỉ tôn trọng luật pháp, đảm bảo tính minh bạch cho mọi hoạt động kinh doanh, các sản phẩm dịch vụ của HBBS chủ yếu giới hạn trong những nghiệp vụ chính. Công tác phát triển sản phẩm mới tuy đã được tiến hành thường xuyên nhưng tập vẫn phải chờ khung pháp lý và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng, phần lớn tập trung vào việc cải tiến các sản phẩm hiện tại nhằm tối đa hóa lợi ích cho khách hàng.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HBBS 2011

Tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư, năm 2011, HBBS đặt ra mục tiêu tăng trưởng bền vững, tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng, chú trọng con người, cải tiến sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ. Mặc dù dự đoán thị trường năm nay sẽ gặp rất nhiều khó khăn nhưng Ban lãnh đạo và nhân viên đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng tổng doanh thu và lợi nhuận ít nhất 20% so với năm trước.

Để đạt được kế hoạch trên, HBBS sẽ có những hành động cụ thể sau:

- HBBS tập trung đầu tư mạnh vào hệ thống công nghệ thông tin, chính thức đưa phần mềm công nghệ lõi chứng khoán phiên bản mới nhất của TTL vào hoạt động. Dựa trên nền tảng công nghệ mới này, HBBS sẽ phát triển các dịch vụ mới hữu ích cho khách hàng như giao dịch chứng khoán trực tuyến, quản lý rủi ro danh mục, chuyển tiền tự động...
- Nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng thông qua các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, đặc biệt tập trung vào nâng cao chất lượng của dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư. Trên cơ sở các loại hình dịch vụ đa dạng từ tư vấn huy động nguồn vốn qua các loại hình chứng khoán vốn và chứng khoán nợ bằng việc phát hành cổ phiếu, phát hành công cụ nợ, mua bán sát nhập doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác chiến lược cho tới tư vấn cổ phần hoá, niêm yết... nhằm giúp doanh nghiệp tái cơ cấu tài chính, phát triển kinh doanh, sản xuất, đầu tư dự án mới...HBBS sẽ tận dụng kinh nghiệm tư vấn lâu năm trên thị trường để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia phân tích, thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trực tiếp với các doanh nghiệp và hợp tác chặt chẽ với các hãng thông tấn uy tín như Bloomberg, Reuters... nhằm cung cấp những báo cáo phân tích về thị trường, thông tin doanh nghiệp... một cách kịp thời, chính xác, hỗ trợ tốt cho nhà đầu tư trong việc ra các quyết định đầu tư hiệu quả.

Thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông lần thứ 20 của Ngân Hàng TMCP Nhà Hà Nội ngày 29/3/2011, Trong năm 2011, HBBS sẽ tổ chức triển khai thực hiện việc cổ phần hoá HBBS với cơ cấu sở hữu như sau: Ngân hàng Habubank sở hữu 11%, các cổ đông hiện hữu của Habubank sở hữu 49%, cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân viên của Habubank, bao gồm cả HBBS sở hữu 40%. Việc cổ phần hoá công ty nhằm tạo sự linh hoạt và chủ động hơn nữa trong công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**



Ernst & Young Vietnam limited  
 Daeha Business Center  
 14<sup>th</sup> Floor, 360 Kim Ma Street, Ba Dinh District  
 Hanoi, S.R. of Vietnam  
 Tel: +84 4 3831 5100  
 Fax: +84 4 3831 5090  
 www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 60755010/14425673

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty  
 Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 31. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở Ý kiến Kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến Kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
 Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

*Hoàng Văn*

Võ Tấn Hoàng Văn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Kiểm toán viên đã đăng ký  
 Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 02 năm 2011

*Nguyễn Chí Cường*

Nguyễn Chí Cường  
 Kiểm toán viên phụ trách  
 Kiểm toán viên đã đăng ký  
 Số đăng ký: 1103/KTV

## KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Năm 2010, Phòng KTNB không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội. Các quy trình, quy chế hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ, theo các quy định của Pháp luật và được tổ chức thực hiện một cách hiệu quả. Hệ thống Kiểm soát nội bộ đã thực hiện một cách hiệu quả, phát hiện kịp thời các vấn đề để đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Phòng KTNB đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Kiểm toán.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: nghìn đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.235.003.486</b>	<b>619.764.150</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.151.031.194</b>	<b>462.554.627</b>
111	1. Tiền		447.273.194	196.654.627
112	2. Các khoản tương đương tiền		703.758.000	265.900.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>19.699.749</b>	<b>144.462.007</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	40.928.277	161.409.324
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.1	(21.228.528)	(16.947.317)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>64.137.917</b>	<b>12.572.246</b>
132	1. Trả trước cho người bán		3.172.105	326.164
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		59.961.228	11.396.123
138	3. Các khoản phải thu khác		1.004.584	849.959
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>134.626</b>	<b>175.270</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		134.626	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	175.270
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>21.355.521</b>	<b>22.298.414</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.366.912</b>	<b>5.362.300</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.899.186	4.589.560
222	Nguyên giá		11.075.260	10.125.288
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.176.074)	(5.535.728)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	467.726	772.740
228	Nguyên giá		2.063.443	1.797.906
	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.595.717)	(1.025.166)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng dở dang		-	-
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	10	15.000.000	15.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.988.609</b>	<b>1.936.114</b>

263	1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	2.988.609	1.936.114
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.256.359.007</b>	<b>642.062.564</b>
<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
<b>300</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>966.634.281</b>	<b>346.634.887</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>966.634.281</b>	<b>346.634.887</b>
312	1. Phải trả người bán		-	22.507
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	13.696.245	12.552.546
315	3. Phải trả người lao động		186.929	6.276
317	4. Phải trả nội bộ	13	250.437.859	120.760.599
320	5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		51.116.597	108.417.844
321	6. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		20.829	735.960
328	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	651.175.822	104.139.155
<b>400</b>	<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>289.724.726</b>	<b>295.427.677</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>289.724.726</b>	<b>295.427.677</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000	150.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		37.103.311	25.700.931
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		102.621.415	119.726.746
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.256.359.007</b>	<b>642.062.564</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn đồng

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>1. Ngoại tệ các loại (đô la Mỹ)</b>	-	-
<b>2. Chứng khoán lưu ký (nghìn đồng)</b>	<b>1.510.460.840</b>	<b>619.103.690</b>
2.1. Chứng khoán giao dịch	762.206.890	457.568.020
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	5.212.250	4.237.490
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	755.113.960	453.109.350
2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.880.680	221.180
2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	1.550.620	271.060
2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	1.550.620	271.060
2.3. Chứng khoán cầm cố	203.616.070	149.600.000
2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	203.616.070	149.600.000
2.4. Chứng khoán chờ thanh toán	539.088.500	11.664.610
2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	539.083.500	11.664.610
2.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	5.000	-
2.5. Chứng khoán chờ giao dịch	3.998.760	-
2.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	280.000	-
2.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	3.718.760	-
<b>3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết (nghìn đồng)</b>	<b>3.926.930</b>	<b>5.970.480</b>
3.1. Chứng khoán giao dịch	3.853.930	2.356.650
3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	2.433.500	1.614.250
3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.420.430	742.400
3.2. Chứng khoán chờ thanh toán	73.000	3.613.830
3.2.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	73.000	3.613.830
<b>4. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng (nghìn đồng)</b>	<b>58.943.230</b>	<b>716.440</b>
<b>5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán (nghìn đồng)</b>	<b>3.985.650</b>	<b>214.354.450</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: nghìn đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>	<b>16</b>	<b>175.836.528</b>	<b>169.481.239</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		17.080.694	31.957.318
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.866.810	11.415.108
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán			-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		28.019.091	16.567.500
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		63.419.330	53.279.226
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	22.800
01.9	Doanh thu khác		63.450.603	56.239.287
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>16</b>	<b>(235.424)</b>	<b>(138.912)</b>
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>175.601.104</b>	<b>169.342.327</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>17</b>	<b>(33.728.412)</b>	<b>(11.084.318)</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>141.872.692</b>	<b>158.258.009</b>
<b>25</b>	<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18</b>	<b>(15.234.532)</b>	<b>(15.277.777)</b>
<b>30</b>	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>126.638.160</b>	<b>142.980.232</b>
<b>31</b>	<b>8. Thu nhập khác</b>		-	-
<b>32</b>	<b>9. Chi phí khác</b>		-	-
<b>40</b>	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		-	-
<b>50</b>	<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>126.638.160</b>	<b>142.980.232</b>
<b>51</b>	<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>12</b>	<b>(12.614.365)</b>	<b>(9.950.515)</b>
<b>60</b>	<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>114.023.795</b>	<b>133.029.717</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: nghìn đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>126.638.160</b>	<b>142.980.232</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ	8,9	3.210.897	3.287.460
03	Các khoản dự phòng	6	4.281.211	(35.225.040)
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	16	(63.450.603)	(56.239.288)
06	Chi phí lãi vay		2.406.900	3.284.117
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>73.086.565</b>	<b>58.087.481</b>
09	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu		(51.390.401)	(8.904.458)
10	(Tăng)/ giảm đầu tư ngắn hạn		120.481.047	198.958.799
11	Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		487.658.284	(101.926.012)
12	(Tăng)/ giảm chi phí trả trước		(134.626)	34.254
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.406.900)	(3.284.117)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.052.496)	(675.370)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>626.241.473</b>	<b>142.290.577</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	8,9	(1.215.509)	(2.061.635)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	16.800.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	16	63.450.603	56.239.288
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>62.235.094</b>	<b>70.977.653</b>

<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	-	-
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>688.476.567</b>	<b>213.268.230</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>462.554.627</b>	<b>249.286.397</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>1.151.031.194</b>	<b>462.554.627</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (“Công ty”) là một công ty con 100% thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, một ngân hàng được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000254, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng kí lần đầu vào ngày 03 tháng 11 năm 2005 với thời gian hoạt động là 50 năm. Công ty được cấp đăng kí thay đổi lần thứ hai vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và chấp nhận tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 66/UBCK-GP ngày 24 tháng 8 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 150 tỷ đồng.

**Chủ tịch Công ty**

Chủ tịch Công ty trong năm 2010 và tại ngày lập các báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2008

**Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập các báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Lâm Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2010
Bà Lê Kim Chi	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2006
Ông Dương Xuân Phương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2006

**Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 85 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 120 nhân viên).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

### 2.3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán

Ban Giám Đốc khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

### 3.2. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

#### **Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

### 3.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

### 3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7. Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8. Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán**

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

**3.9.1 Chứng khoán thương mại**

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

**3.9.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

**3.9.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

### **3.10. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

### **3.11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **3.12. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

#### *Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.



*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền mặt của Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**3.13. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

**3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**3.15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ được chuyển về Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội để phân chia theo quyết định của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội.

**3.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những

chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### **3.17. Lợi ích của nhân viên**

#### **3.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### **3.17.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc**

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc

*Trợ cấp mất việc:* theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

#### **3.17.3 Trợ cấp thất nghiệp**

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: nghìn đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>Tiền</b>	<b>447.273.194</b>	<b>196.654.627</b>
<b>Tiền mặt</b>	<b>35.827</b>	<b>32.168</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>447.237.367</b>	<b>196.622.459</b>
Tiền gửi của Công ty	446.144.586	188.498.577
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc	42.928.535	220.883
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Hội sở chính	403.181.104	178.584.003
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Tp.HCM	1.568	9.621.132
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành	30.421	36.108
Ngân hàng Công Thương – Sở Giao Dịch I	-	2.416
Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Tp.HCM	2.958	34.035
Tiền gửi của người đầu tư (*)	1.092.781	7.477.348
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc	1.088.382	525.274
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Tp.HCM	1.251	6.886.439
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Ba Đình	1.466	60.937
Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Tp.HCM	1.682	4.698
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	646.534
	<b>703.758.000</b>	<b>265.900.000</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>653.734.000</b>	<b>165.600.000</b>
Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của Công ty	-	163.600.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc	3.734.000	2.000.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Tp. HCM	650.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (**)	50.024.000	100.300.000
Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của người đầu tư (*)	5.024.000	-
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh TP HCM	10.000.000	-
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Cầu Giấy	35.000.000	100.300.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc		
	<b>1.151.031.194</b>	<b>462.554.627</b>

- (\*): Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.
- (\*\*): Chi tiết các Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn–Hà Nội, chi nhánh Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

<i>Hợp đồng</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Ngày gửi tiền</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Số tiền nghìn đồng</i>
1661 VND-TV/SHB-HBBS/2010	14,00	28/12/2010	11/01/2011	100.000.000
2812-2010/SHBHN	14,00	28/12/2010	11/01/2011	150.000.000
1676 VND-TV/SHB-HBBS/2010	14,00	30/12/2010	13/01/2011	150.000.000
1688 VND-TV/SHB-HBBS/2010	14,00	31/12/2010	14/01/2011	100.000.000
1690 VND-TV/SHB-HBBS/2010	14,00	31/12/2010	14/01/2011	150.000.000
				<b>650.000.000</b>

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2010 như sau:

	<i>Số lượng chứng khoán giao dịch trong năm</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm nghìn đồng</i>
<b>1. Cửa Công ty chứng khoán</b>		
Cổ phiếu	243.628	3.447.983
Trái phiếu		
Chứng khoán khác		
<b>2. Cửa người đầu tư</b>		
Cổ phiếu	186.696.095	4.842.891.349
Trái phiếu	5.706.000	2.901.042
Chứng khoán khác	266.660	-
	<b>192.912.383</b>	<b>4.849.240.374</b>

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2009 như sau:

	<i>Số lượng chứng khoán giao dịch trong năm</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm nghìn đồng</i>
<b>1. Cửa Công ty chứng khoán</b>		
Cổ phiếu	932.833	28.009.571
Trái phiếu	26.870.148	2.900.404.385
Chứng khoán khác	-	-
<b>2. Cửa người đầu tư</b>		
Cổ phiếu	239.431.955	7.699.616.823
Trái phiếu	33.407.230	3.569.043.654
Chứng khoán khác	6.005.090	63.522.108
	<b>306.647.256</b>	<b>14.260.596.541</b>

## 6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đơn vị: nghìn đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chứng khoán thương mại	40.928.277	136.049.699
	-	25.359.625
Đầu tư ngắn hạn khác	<b>40.928.277</b>	<b>161.409.324</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn – Chứng khoán thương mại	(21.228.528)	(16.947.317)
	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác	<b>(21.228.528)</b>	<b>(16.947.317)</b>
	<b>19.699.749</b>	<b>144.462.007</b>

## 6.1. Chứng khoán thương mại

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty trong năm 2010 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

	Giá trị ghi sổ	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
		Tăng	Giảm	
Cổ phiếu niêm yết	23.104.619	86.553	(13.903.977)	9.287.195
Cổ phiếu chưa niêm yết trên UPCOM	5.426.705	-	(559.705)	4.867.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	12.396.953	-	(6.764.846)	5.632.107
	<b>40.928.277</b>	<b>86.553</b>	<b>(21.228.528)</b>	<b>19.786.302</b>

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty trong năm 2009 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

	Giá trị ghi sổ	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
		Tăng	Giảm	
Cổ phiếu niêm yết	20.585.446	190.439	(10.030.376)	10.745.509
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.429.053	-	(6.916.941)	7.512.112
Trái phiếu	101.035.200	-	-	101.035.200
Đầu tư ngắn hạn khác	25.359.625	-	-	25.359.625
	<b>161.409.324</b>	<b>190.439</b>	<b>(16.947.317)</b>	<b>144.652.446</b>

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Đơn vị: nghìn đồng

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<b>1. Trả trước cho người bán</b>	<b>326.164</b>	-	-	<b>4.492.217</b>	<b>(1.646.276)</b>	<b>3.172.105</b>	-	-	-
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>11.396.123</b>	-	-	<b>1.409.282.399</b>	<b>(1.360.717.294)</b>	<b>59.961.228</b>	-	-	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	11.396.123	-	-	1.409.282.399	(1.360.717.294)	59.961.228	-	-	-
<b>3. Các khoản phải thu khác</b>	<b>849.959</b>	-	-	<b>320.740.210</b>	<b>(320.585.585)</b>	<b>1.004.584</b>	-	-	-
Dự thu lãi từ các hợp đồng cam kết mua và bán lại chứng khoán	5.503	-	-	-	(5.503)	-	-	-	-
Dự thu lãi từ các hợp đồng tiền gửi	795.387	-	-	1.060.930	(962.034)	894.283	-	-	-
Các khoản phải thu khác	49.069	-	-	319.679.280	(319.618.048)	110.301	-	-	-
	<b>12.572.246</b>	-	-	<b>1.734.514.826</b>	<b>(1.682.949.155)</b>	<b>64.137.917</b>	-	-	-

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình trong năm 2010 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	9.565.431	431.372	128.485	10.125.288
Tăng trong năm	949.972	-	-	949.972
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	<i>949.972</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>949.972</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	10.515.403	431.372	128.485	11.075.260
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	5.221.241	251.835	62.652	5.535.728
Chi phí trong năm	2.542.754	71.895	25.697	2.640.346
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7.763.995	323.730	88.349	8.176.074
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.344.190	179.537	65.833	4.589.560
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	2.751.408	107.642	40.136	2.899.186



Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm 2009 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	8.170.883	431.372	128.485	8.730.740
Tăng trong năm	1.394.548	-	-	1.394.548
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nhận điều chuyển từ Ngân hàng Nhà Hà Nội</i>	730.223	-	-	730.223
<i>Mua mới</i>	664.325	-	-	664.325
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	9.565.431	431.372	128.485	10.125.288
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	2.561.128	186.529	37.116	2.784.773
Chi phí trong năm	2.660.113	65.306	25.536	2.750.955
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	5.221.241	251.835	62.652	5.535.728
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	5.609.755	244.843	91.369	5.945.967
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.344.190	179.537	65.833	4.589.560

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình trong năm 2010 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.358.610	439.296	1.797.906
Tăng trong năm	265.537	-	265.537
<i>Trong đó:</i>			
<i>Mua mới</i>	190.600	-	190.600
<i>Nâng cấp tài sản</i>	74.937	-	74.937
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.624.147	439.296	2.063.443
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	719.156	306.010	1.025.166
Chi phí trong năm	437.265	133.286	570.551
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.156.421	439.296	1.595.717
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	639.454	133.286	772.740
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	467.726	-	467.726

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình trong năm 2009 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	691.523	439.296	1.130.819
Tăng trong năm	667.087	-	667.087
<i>Trong đó:</i>			
<i>Mua mới</i>	<i>667.087</i>	<i>-</i>	<i>667.087</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.358.610	439.296	1.797.906
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	334.755	153.906	488.661
Chi phí trong năm	384.401	152.104	536.505
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	719.156	306.010	1.025.166
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	356.768	285.390	642.158
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	639.454	133.286	772.740

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư nghìn đồng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của công ty %</i>	<i>Số vốn thực góp nghìn đồng</i>
Công ty CP ĐT-PT CN Tàu thủy - Habubank	150.000.000	10	15.000.000
			<b>15.000.000</b>

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư nghìn đồng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của công ty %</i>	<i>Số vốn thực góp nghìn đồng</i>
Công ty CP ĐT-PT CN Tàu thủy - Habubank	150.000.000	10	15.000.000
			<b>15.000.000</b>

**11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

*Đơn vị: nghìn đồng*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Tiền nợ đầu năm	1.936.114	1.260.743
Tiền nợ bổ sung trong năm	1.269.913	675.371
Giảm trong năm	(217.418)	-
	<b>2.988.609</b>	<b>1.936.114</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị: nghìn đồng*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Thuế giá trị gia tăng	958.188	2.602.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.614.365	9.950.515
Thuế thu nhập cá nhân	123.692	-
	<b>13.696.245</b>	<b>12.552.546</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật y và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành**

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm 2006 và 2007 tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2006 và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo là các năm 2008, 2009 và 2010. Vì năm 2010 là năm thứ năm công ty đi vào hoạt động và tiếp tục kinh doanh có lãi nên mức thuế suất áp dụng cho năm 2010 là 10% so với mức thuế suất 20% so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực kinh doanh không được ưu đãi về thuế TNDN theo quy định hiện hành.

Đơn vị: nghìn đồng

	Năm 2010	Năm 2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.638.160	142.980.232
Các khoản điều chỉnh tăng/( giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(494.505)	(830.026)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	126.143.655	142.150.206
Thuế suất	10%	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trước quy định của Thông tư 03/2009-BTC</b>	<b>12.614.365</b>	<b>14.215.021</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009-BTC	-	(4.264.506)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau giảm thuế	12.614.365	9.950.515
Thuế thu nhập doanh nghiệp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối năm</b>	<b>12.614.365</b>	<b>9.950.515</b>

(\*): Cổ tức được nhận bằng tiền mặt

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại**

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại trọng yếu nào được ghi nhận trong năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính.

**13. PHẢI TRẢ NỘI BỘ**

Đơn vị: nghìn đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Lợi nhuận để lại phải trả ngân hàng mẹ	239.618.492	120.760.599
Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và 2009	10.819.367	-
	<b>250.437.859</b>	<b>120.760.599</b>

Lợi nhuận để lại phải trả ngân hàng mẹ bao gồm lợi nhuận để lại phải trả ngân hàng mẹ năm 2006, năm 2007, năm 2008 và năm 2009.

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị: nghìn đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Tài sản thừa chờ giải quyết	500	500
Kinh phí công đoàn	144.785	105.330
Bảo hiểm xã hội	64.476	70.910
Bảo hiểm y tế	8.745	10.382
Bảo hiểm thất nghiệp	1.968	3.027
Phải trả, phải nộp khác (*)	650.955.348	103.949.006
	<b>651.175.822</b>	<b>104.139.155</b>

(\*): Bao gồm trong khoản phải trả, phải nộp khác năm 2010 có 650.594.167 nghìn đồng Việt Nam là khoản tiền đặt cọc từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội theo các hợp đồng môi giới mua trái phiếu Chính Phủ ký ngày 28, 30 và 31 tháng 12 năm 2010. Chi tiết như sau:

Hợp đồng	Ngày giá trị	Ngày đáo hạn	Số tiền gốc nghìn đồng
28122010/MGM.CK/HBBS-HBB	28/12/2010	11/01/2010	250.000.000
30122010/MGM.CK/HBBS-HBB	30/12/2010	13/01/2010	150.000.000
31122010/MGM.CK/HBBS-HBB	31/12/2010	14/01/2010	150.000.000
31122010/MGM.CK02/HBBS-HBB	31/12/2010	14/01/2010	100.000.000
			<b>650.000.000</b>
Lãi dự chi đến ngày 31 tháng 12 năm 2010			594.167
			<b>650.594.167</b>

Theo các hợp đồng này, trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng nếu Công ty không tìm được chứng khoán mà Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội yêu cầu, Công ty có quyền sử dụng khoản tiền đặt cọc này để đầu tư vào các chứng khoán có thu nhập cố định và chia lợi nhuận cho Ngân hàng theo tỷ suất 13,8%/năm trên số tiền nhận đặt cọc. Trong trường hợp Công ty tìm được chứng khoán mà Ngân hàng yêu cầu, Công ty sẽ được hưởng mức phí môi giới 0,1% trên tổng giá trị môi giới chứng khoán giao dịch thành công.

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ		Quỹ dự trữ bắt buộc		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Vốn điều lệ	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
	nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng	nghìn đồng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	150.000.000	5.740.032	6.657.927	9.486.006	171.883.965	
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	133.029.717	133.029.717	
Trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận để lại năm 2009	-	6.651.486	6.651.486	(13.302.972)	-	
Chuyển phải trả Ngân hàng mẹ lợi nhuận để lại năm 2008	-	-	-	(9.486.005)	(9.486.005)	
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	150.000.000	12.391.518	13.309.413	119.726.746	295.427.677	
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	114.023.795	114.023.795	
Trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận để lại năm 2010	-	5.701.190	5.701.190	(11.402.380)	-	
Chuyển phải trả Ngân hàng mẹ lợi nhuận để lại năm 2009	-	-	-	(119.726.746)	(119.726.746)	
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	150.000.000	18.092.708	19.010.603	102.621.415	289.724.726	

Theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, công ty chứng khoán phải sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ như sau:



	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích đủ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2010.

## 16. DOANH THU

*Đơn vị: nghìn đồng*

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>175.836.528</b>	<b>169.481.239</b>
<i>Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>17.080.694</i>	<i>31.957.318</i>
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn</i>	<i>3.866.810</i>	<i>11.415.108</i>
<i>Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán</i>	<i>28.019.091</i>	<i>16.567.500</i>
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	<i>63.419.330</i>	<i>53.279.225</i>
<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	<i>-</i>	<i>22.800</i>
<i>Doanh thu khác (*)</i>	<i>63.450.603</i>	<i>56.239.288</i>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(235.424)</b>	<b>(138.912)</b>
	<b>175.601.104</b>	<b>169.342.327</b>

(\*): *Doanh thu khác trong năm 2010 bao gồm lãi từ các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, lãi tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ thanh toán.*

## 17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Đơn vị: nghìn đồng*

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
Chi phí môi giới chứng khoán	2.115.345	2.592.894
Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.916.024	31.111.287
	-	400.000
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	13.825.000	-
Chi phí tư vấn đầu tư cho nhà đầu tư		
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	202.648	127.503
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	4.281.211	-
Chi phí khác	10.388.184	12.077.674
	<b>33.728.412</b>	<b>46.309.358</b>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(35.225.040)
	<b>33.728.412</b>	<b>11.084.318</b>

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị: nghìn đồng

	<i>Năm 2010</i>	<i>Số trình bày lại</i>
		<i>Năm 2009</i>
Chi phí nhân viên quản lý	6.936.896	7.349.323
Chi phí vật liệu quản lý	11.603	12.422
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	361.439	1.349.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.674.028	1.570.679
Thuế, phí và lệ phí	552.360	275.869
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.903.875	3.290.615
Chi phí khác bằng tiền	1.794.331	1.429.416
	<b>15.234.532</b>	<b>15.277.777</b>

**19. CÁC THÔNG TIN KHÁC****19.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2010 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Chủ sở hữu	Gửi tiền tại tài khoản vãng lai	7.262.184.941
		Rút tiền tại tài khoản vãng lai	6.994.879.750
		Gửi tiền có kỳ hạn 24 tháng	3.088.922.000
		Rút tiền có kỳ hạn 24 tháng	3.258.408.000
		Nhận lãi tiền gửi từ hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 24 tháng	42.920.848
		Nhận đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán	672.125.000
		Trả các khoản đặt cọc môi giới chứng khoán	22.125.000
		Nhận tiền mua trái phiếu HBBond 2010	25.000.000
		Doanh thu từ các hợp đồng môi giới chứng khoán	28.050.000
		Nhận tiền lãi từ hợp đồng mua trái phiếu HBBond 2010	2.837.500

Số dư Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu nghìn đồng</i>	<i>Khoản phải trả nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Chủ sở hữu	Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai	446.111.208	-
		Số dư tiền gửi tại tài khoản kỳ hạn	3.734.000	-
		Phải trả về khoản đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán	-	650.000.000
		Lãi dự chi cho các Hợp đồng môi giới mua bán chứng khoán	-	594.167
		Phải thu lãi tiền gửi	291.506	-
		Phải trả lợi nhuận để lại	-	239.618.492
		Phải trả thuế TNDN	-	10.819.367

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2009 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Chủ sở hữu	Gửi tiền tại tài khoản vãng lai	23.199.423.797
		Rút tiền tại tài khoản vãng lai	23.036.526.211
		Gửi tiền có kỳ hạn 24 tháng	9.081.400.000
		Rút tiền có kỳ hạn 24 tháng	9.045.900.000
		Nhận lãi tiền gửi từ hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 24 tháng	21.596.053
		Nhận đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán	7.425.000.000
		Trả các khoản đặt cọc môi giới chứng khoán	7.675.000.000
		Doanh thu từ các hợp đồng tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu	20.000.000
		Doanh thu từ các hợp đồng môi giới chứng khoán	11.586.040

(\*): Xem thêm chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Số dư Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu nghìn đồng</i>	<i>Khoản phải trả nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Chủ sở hữu	Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai	178.806.017	-
		Phải thu lãi tiền gửi	457.422	-
		Phải trả lợi nhuận để lại	-	120.760.599

**19.2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

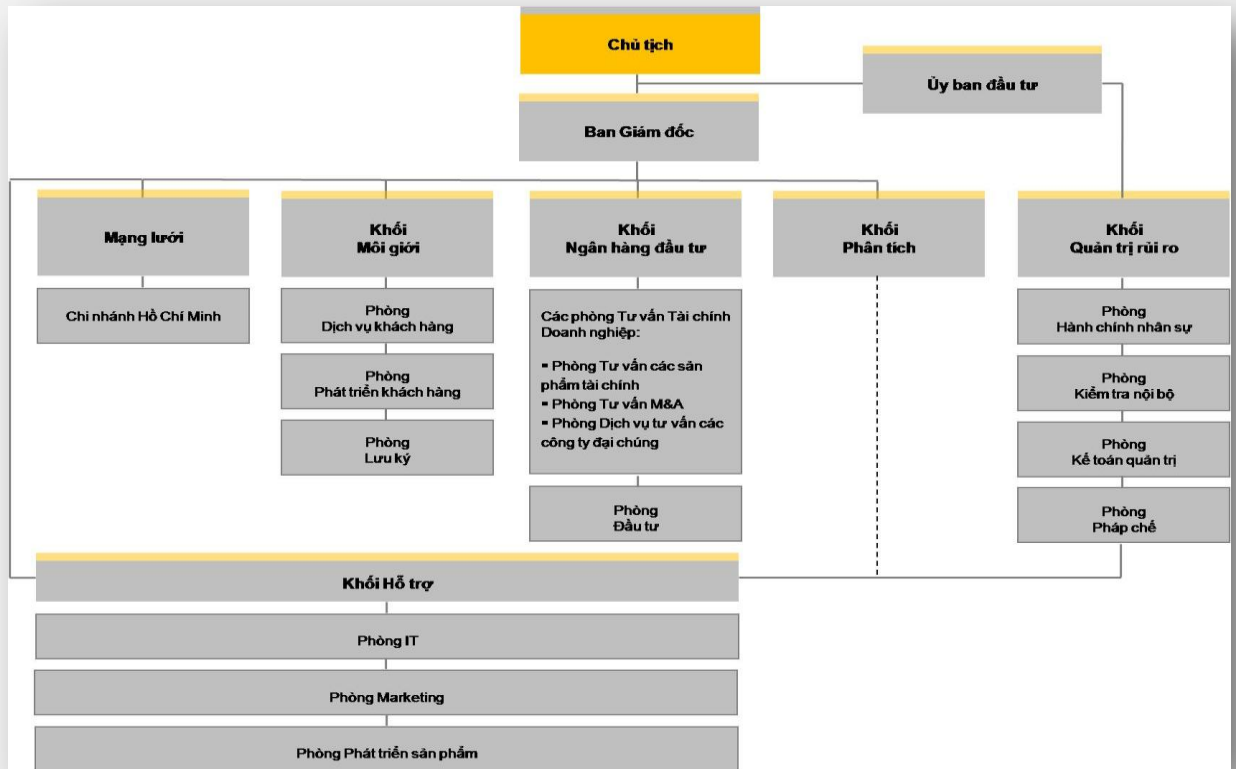
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	0,3	0,8
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	98,3	96,5
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản ( <i>Nợ phải trả/ tổng tài sản</i> )	%	76,9	54,0
Khả năng thanh toán hiện hành ( <i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	1,3	1,8
Khả năng thanh toán nhanh ( <i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	1,3	1,8
Khả năng thanh toán bằng tiền ( <i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	1,2	1,3
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	64,9	78,6
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản ( <i>Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản</i> )	%	9,1	20,7
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ ( <i>Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ</i> )	%	76,0	88,7

**19.3. Các thông tin khác**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) ngày 6 tháng 3 năm 2010, các chủ sở hữu của Công ty đã thông qua kế hoạch chuyển đổi Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội từ mô hình Công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần. Cho đến ngày lập các báo cáo tài chính này, Công ty hiện đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**



**CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

**NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**

**Ông Nguyễn Tuấn Minh**

**Chủ tịch công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội**

Sinh ngày: 09 tháng 10 năm 1967

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc tế Hà nội. Cử nhân đại học Luật Hà nội, Luật sư.

Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 16 năm kể từ năm 1995.

**Ông Dương Xuân Phương**

**Phó giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội**

Sinh ngày 12 tháng 03 năm 1974

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Đại học Luật Hà nội, Cử nhân Đại học Thương Mại, Thạc sỹ QTKD chuyên ngành Tài chính Đại học Quốc gia Hà nội, Luật sư.

Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 13 năm

**Bà Lê Kim Chi****Phó giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội**

Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1975

Bằng cấp chuyên môn: Cử nhân Học viện ngân hàng, Cử nhân đại học Ngoại ngữ Hà nội, Thạc sỹ Đại học Quốc gia Hà nội.

Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 14 năm.

**THAY ĐỔI GIÁM ĐỐC**

Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm

Ông Nguyễn Lâm Dũng- Giám đốc công ty

Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2008. Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2010.

**QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc theo quyết định của Habubank.

**NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 85 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 120 nhân viên).

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Chủ tịch Công ty trong năm 2010 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2008

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2010 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Lâm Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2010
Bà Lê Kim Chi	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2006
Ông Dương Xuân Phương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2006

**CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN****CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP****NGÂN HÀNG HABUBANK**

Địa chỉ: 15-17 Ngọc Khánh

Ngành nghề hoạt động: Cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng.

Habubank sở hữu 100% vốn của HBBS.